

THÔNG BÁO

Về việc gia hạn thời gian mời chào giá vật tư y tế tiêu hao, hóa chất, hóa chất xét nghiệm

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Trên cơ sở thông báo số 1541/TB-BVĐK ngày 29/09/2023 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi về việc mời chào giá vật tư y tế tiêu hao, hóa chất, hóa chất xét nghiệm, Bệnh viện gia hạn thời gian tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu bổ sung các mặt hàng vật tư y tế tiêu hao, hóa chất, hóa chất xét nghiệm không có kết quả trúng thầu hoặc trúng thầu nhưng không đủ số lượng hoặc bổ sung mới để phục vụ công tác khám chữa bệnh tại bệnh viện, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi

Địa chỉ: Đường Lê Hữu Trác - Thành phố Quảng Ngãi – Tỉnh Quảng Ngãi

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Người tiếp nhận báo giá: Bộ phận văn thư - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi

Số điện thoại: 0255.382.7899

Địa chỉ: Đường Lê Hữu Trác - Thành phố Quảng Ngãi – Tỉnh Quảng Ngãi

Email: bvdckquangngai@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bộ phận văn thư - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi

4. Thời gian gia hạn tiếp nhận báo giá: Từ lúc phát hành yêu cầu gia hạn báo giá này đến trước 17h00 ngày 08 tháng 11 năm 2023.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 08 tháng 11 năm 2023.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục vật tư y tế tiêu hao, hóa chất, hóa chất xét nghiệm (có phụ lục đính kèm).

2. Địa điểm cung cấp hàng hóa:

Kho Vật tư y tế của Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi

Địa chỉ: Đường Lê Hữu Trác - Thành phố Quảng Ngãi – Tỉnh Quảng Ngãi



3. Thời gian giao hàng dự kiến:

Thời gian giao hàng: trong vòng 07 ngày làm việc sau khi nhận được đơn đặt hàng kể từ ngày nhận dự trù (bằng fax, bằng điện thoại, hoặc email).

Dự kiến thời gian thực hiện hợp đồng: khoảng từ tháng 4/2024 đến tháng 9/2024.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng: Không

Dự kiến về các điều khoản thanh toán hợp đồng: Bằng chuyển khoản, sau khi hai bên nghiệm thu, bên bán cung cấp các chứng từ hợp lý, hợp lệ cho bên mua theo từng đơn hàng cung cấp. Thời hạn thanh toán trong vòng không quá 120 ngày kể từ ngày bên bán xuất trình đầy đủ các chứng từ, hồ sơ thanh toán hợp lý, hợp lệ cho bên mua.

5. Nhà thầu ghi rõ trên bì thư báo giá: “Báo giá vật tư y tế tiêu hao, hóa chất, hóa chất xét nghiệm”.

Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam chào giá vật tư y tế tiêu hao, hóa chất, hóa chất xét nghiệm theo Mẫu báo giá kèm theo.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Các công ty;
- Website BV;
- Phòng VT-TBYT;
- Lưu: VT.



GIÁM ĐỐC

Lê Văn Thiệu



PHỤ LỤC 1

DANH MỤC, SỐ LƯỢNG VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO XIN MUA DÙNG TRONG BỆNH VIỆN NĂM 2023-2024

(Đính kèm Thông báo số: **1688** /TB-BVĐK ngày **30** /10/2023 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi)

STT	STT từng nhóm	Tên vật tư y tế	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng kế hoạch
I. Danh mục không trúng thầu tập trung năm 2023					
1	1	Băng keo Tegaderm hoặc tương đương	Kích thước: 10cm x 12cm	Miếng	100
2	2	Băng keo cá nhân	kích thước: 3,8cm x 7,2cm	Miếng	17.800
3	3	Bơm tiêm insulin	100UI - Đường kính nhỏ 31G, - với đường kính lòng kim 0.25mm - Vạch chia từng đơn vị đậm và rõ nét - Có các cỡ: 0.3ml hoặc 0.5ml hoặc 1ml.	Cái	5.000
4	4	Băng cuộn	Kích thước: (9cm đến 10cm) x 5m, vô trùng	Cuộn	5.500
5	5	Băng thun 3 móc	Kích thước: rộng 10cm x dài từ 4m đến 4,5m (không tính độ giãn)	Cuộn	7.800
6	6	Băng thun	Kích thước: 7,5cm x 2m (không tính độ giãn)	Cuộn	4.500
7	7	Băng thun	Kích thước: 7,5cm x 4,5m (không tính độ giãn)	Cuộn	120
8	8	Băng thun 3 móc	Kích thước: (9cm đến 10cm) x (100cm đến 120cm) (không tính độ giãn)	Cuộn	23.700
9	9	Gạc phẫu thuật (đắp bông)	Kích thước: 15cm x 20cm x 20 lớp, vô trùng, 1cái/gói	Cái	7.400
10	10	Khẩu trang y tế	Có thanh nẹp mũi, gồm 3 lớp: Một lớp vải chính, một lớp lọc bụi, một lớp than hoạt tính.	Cái	1.000
11	11	Bao cao su	100% Cao su thiên nhiên, rộng: từ 50mm đến 54mm, dài: 180mm đến 210mm	Cái	600
12	12	Đầu cao su tiểu nam (condom ngoài)	* Làm từ cao su tự nhiên * Size: 25mm; 30mm; 35mm	Cái	2.000
13	13	Bông y tế không thấm nước	- Bông không thấm nước, màu trắng ngà. - Độ ẩm (% KL): không quá 8% - Dư lượng vỏ hạt bông, mảy bông (% KL): ≤ 1%	Kg	325
14	14	Gạc phẫu thuật bụng	kích thước: 30cm x 40cm x 6 lớp, có cán quang, vô trùng, gói 5 miếng	Miếng	13.000
15	15	Gạc dẫn lưu tai mũi họng	Kích thước: 0,75cm x 200cm x 4 lớp, vô trùng	Gói	1.100
16	16	Que lấy bệnh phẩm	Que quần tắm bông, vô trùng, chiều dài que ≥ 150mm	Cái	480
17	17	Airway (Ngáng miệng)	Bảng nhựa PVC y tế, các số	Cái	364
18	18	Dây thở Oxy	Một nhánh, chất liệu nhựa PVC, có chiều dài 400mm. Tiệt trùng bằng khí E.O	Dây	1.000
19	19	Ống nội khí quản 2 nòng trái, phải (sonde carlen)	* Nguyên liệu thermosensitive clear PVC nhạy cảm nhiệt. * Bóng Soft-Seal thể tích lớn áp lực thấp. Bóng phế quản hình quả đậu màu xanh chứa chất cản quang * Chiều dài ống nội phế quản và đường kính 2 bóng lần lượt (Fr x mm/mm): - Nội phế quản phải: 28 x 23/13; 32 x 24/13; 35 x 26/21; 37 x 28/21; 39 x 29/21; 41 x 31/21. - Nội phế quản trái: 28 x 23/12; 32 x 24/13; 35 x 26/18; 37 x 28/18; 39 x 29/23; 41 x 31/23. * Độ cong tương thích giải phẫu, có đường cản quang xanh đậm dọc ống, co nối vuông góc 90 độ. * Đóng gói có 4 dây hút nhốt chuyên phế quản đi kèm. * Tiêu chuẩn CE, ISO.	Cái	5
20	20	Ống nội khí quản	Kèm theo ống hút. Từ số 5,0 đến số 8,0	Cái	10
21	21	Ống dẫn lưu ổ bụng	Số 28, tiệt trùng, 1 cái/1 bì	Cái	755

STT	STT từng nhóm	Tên vật tư y tế	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng kế hoạch
22	22	Sonde hút nhót	Các số 6-8-10-12-14-16-18. Chất liệu nhựa PVC. Tiêu chuẩn ISO 13485,	Cái	74.000
23	23	Sonde dạ dày	Các số từ 8 đến 18. Chất liệu nhựa PVC y tế, dây dài tối thiểu 1.250mm, trên thân dây có 4 vạch đánh dấu, có 4 lỗ hình bầu dục nằm đối xứng hai bên đầu thành ống. Một đầu ống dây gắn phễu, một đầu được bo tròn. Tiệt trùng bằng khí E.O.	Cái	4.000
24	24	Sonde màng phổi	Chất liệu PVC, có nhiều lỗ dẫn lưu, các cỡ	Cái	200
25	25	Sonde nelaton	Chất liệu cao su mềm, từ số 6 đến số 16	Cái	198
26	26	Sonde Telfon Guidewire	Dây dẫn đường loại thường, chất liệu Telfon; cỡ 0.035 inches, 0.038 inches, dài 150cm. Túi 1 cái vô trùng	Cái	44
27	27	Chỉ Polydioxanone 4/0	Chiều dài chỉ 70cm, kim tròn đầu tròn, 1/2C, kim dài 20mm	Tép	140
28	28	Chỉ Polydioxanone 5/0	Chiều dài chỉ 70cm, kim dài 13mm, 3/8C, kim tròn đầu tròn	Tép	48
29	29	Chỉ Polypropylene số 0	Chiều dài chỉ 75cm đến 100cm, 1 kim tròn đầu tròn, kim dài từ 30mm đến 40mm, 1/2C.	Tép	144
30	30	Chỉ Polypropylene 6/0	Chiều dài chỉ 60cm, 2 kim tròn đầu tròn, kim dài 11mm, 3/8C	Tép	24
31	31	Chỉ Polypropylene 7/0	Chiều dài chỉ 60cm, 2 kim tròn đầu tròn, kim dài ≥ 8 mm, 3/8C	Tép	156
32	32	Chỉ silk 3/0 không kim	Chiều dài chỉ 150cm, không kim	Tép	960
33	33	Chỉ thép wire mono số 1	cuộn dài 25m	Cuộn	13
34	34	Chỉ Polyglactine 910 số 1 khâu gan	Sợi chỉ được bọc bởi 50% là Polyglactine 370 và 50% là Calcium Stearate, dài 100cm, kim đầu tù khâu gan, kim dài 65mm, 3/8C. Thời gian giữ vết khâu: 28 - 35 ngày, thời gian tiêu hoàn toàn: 56 - 70 ngày. Tiêu chuẩn CE.	Tép	48
35	35	Chỉ Thép số 1	Chiều dài chỉ 45cm, chiều dài kim 40mm, kim 1/2C, kim tam giác.	Tép	12
36	36	Bộ gây tê ngoài màng cứng	Kim Touhy 18G màu hồng, đầu cong, chiều dài 80mm; Catheter 20G, có đặc tính cân quang. Thiết kế 3 lỗ thoát thuốc nằm ở các vị trí 3mm, 7mm và 11mm so với đầu catheter - cho phép góc bơm thuốc tối đa 120 độ. Bơm kháng lực (LOR) dung tích 10 ml; Thiết bị lọc với lỗ lọc micro được ứng dụng công nghệ hạt nhân, kích thước 0.2 micron. Phụ kiện: miếng dán cố định catheter; miếng dán cố định bộ lọc. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE.	Bộ	113
37	37	Bẫy nước dùng để phân tích khí mê	Bẫy nước có khả năng phân tách nước, bảo vệ sensor phân tích khí trong máy. Bẫy nước tương thích với khối phân tích nồng độ khí mê của máy theo dõi bệnh nhân 8 thông số Carescape B650.	Bộ	30
38	38	Dây garo	Dây garo chất liệu vải có khóa	Cái	100
39	39	Kim chọc tủy dùng nhiều lần	Kim chọc tủy xương, dùng nhiều lần	Cây	3
40	40	Kim luồn tĩnh mạch	có các số từ 18G đến 24G	Cái	5.500
41	41	Giấy điện tim 3 cần	Kích cỡ: 80mm x 30m	Cuộn	40
42	42	Bộ dây truyền dịch	Sản xuất từ nguyên liệu PVC. Theo tiêu chuẩn ISO. Nhỏ giọt với 20 giọt = 1 ml. • Chiều dài ống từ 150cm trở lên. Với cổng kết nối chữ Y. • Kẹp con lặn để kiểm soát dòng chảy. • Phần dưới cùng của buồng, ống và kết nối được làm bằng vật liệu mờ. • Khóa khớp với bộ lọc chất lỏng 15µm. Kết nối với đầu slip-lock/ luer-lock. Màng lọc có chức năng lọc vi khuẩn 20µm. Vô trùng EO. Không chứa chất gây sốt (Non toxic, Pyrogen free). Không chứa latex.	Bộ	18.000
43	43	Ampu bóp bóng người lớn, trẻ em	chất liệu PVC hoặc silicon	Cái	10

STT	STT từng nhóm	Tên vật tư y tế	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng kế hoạch
44	44	Mask gây mê	Các size, chất liệu silicon hoặc nhựa PVC	Cái	100
45	45	Mặt nạ bóp bóng rời	Chất liệu nhựa	Cái	14
46	46	Bóng mềm gây mê	Dung tích: 0.5 lít, 1 lít, 2 lít, 3 lít	Cái	24
47	47	Túi chườm nóng	Chất liệu cao su	Túi	20
48	48	Túi đựng oxy	Chất liệu bằng cao su	Cái	50
49	49	Sonde Pezzer	chất liệu cao su, các cỡ	Cái	22
50	50	Giấy in nhiệt	kích cỡ: 110mm x 20m	Cuộn	12
51	51	Miếng dán phẫu thuật trước mổ	Opsite Incise 28cm x 15cm	Miếng	30
52	52	Nẹp cổ tay trái, phải	Vải cotton, vải không dệt, vải có lỗ thoáng khí. Khóa Velcro, nẹp hợp kim nhôm. Các cỡ.	Cái	10
53	53	Ống nghiệm	Falcol nhựa tiết trùng, 15ml, đáy nhọn, nắp vận tiết trùng	Cái	700
54	54	Găng tay y tế chưa tiết trùng	Chất liệu cao su, có bột, dài 275-280mm, các cỡ (S, M hoặc tương đương các số 7; 7,5), hấp được	Đôi	400.000
55	55	Gel siêu âm	Can 5lít	Can	230
56	56	Gel điện não, điện cơ	- Dạng gel, cân bằng chính xác của độ bám dính và độ dẫn, cho phép các điện cực giữ nguyên vị trí trong lúc truyền tín hiệu điện. Tiêu chuẩn: ISO 13485 - Lọ ≥ 200g	Lọ	3
57	57	Giấy in nhiệt	Kích cỡ: 57mm x 20m	Cuộn	562
58	58	Giấy in nhiệt	Kích cỡ: 57mm x 30m	Cuộn	40
59	59	Giấy in siêu âm màu, nội soi UPC-21S hoặc tương đương	Giấy in màu -Kích thước: 100 x 90 mm. -Dung lượng: 240 tờ -03 ribbon mực màu	Hộp	28
60	60	Phim X quang kỹ thuật số DI - HL hoặc tương đương	35cm x 43cm, sử dụng tương thích với máy in phim Drypix 4000	Tấm	50.000
61	61	Đai xương đòn	có các cỡ tương ứng số 5; 6; 7; 8	Cái	146
62	62	Cassette phẫu thuật mắt	Dùng trong phẫu thuật phaco	Cái	30
63	63	Chất nhầy DUOVISC hoặc tương đương	Hộp dịch nhầy được thiết kế với 2 ống dịch nhầy khác nhau, sử dụng trong mổ đục thủy tinh thể - Ống 1 (0.4ml): 1 ml chứa 10 mg sodium hyaluronate - Ống 2 (0.35ml): 1 ml chứa 40 mg sodium chondroitin sulfat, 30 mg sodium hyaluronate 30mg/ml)	Hộp	43
64	64	Thủy tinh thể mềm HOYA iSert 251 hoặc tương đương	Chất liệu Acrylic Hydrophobic, thiết kế một mảnh. Lọc ánh sáng xanh do chất liệu Acrylic hydrophobic kết hợp với chất chromophore (HMPQ), lọc tia tử ngoại UV. Thiết kế phi cầu cân bằng (ABC: Aspherical Balanced Curve). Đường kính optic ≥ 6 mm/chiều dài thủy thể ≤ 12,5 mm. Optic thiết kế rìa vuông 360 độ Càng chất liệu PMMA. Chất liệu càng acrylic hydrophobic gắn khối một mảnh với phần đầu càng bằng PMMA. Thủy tinh thể được cài đặt sẵn trong injector và cartridge. Đầu cartridge cho phép đưa qua vết mổ 2,2-2,4mm. Thủy tinh thể thiết kế mở bung dễ dàng trong mắt. Hằng số A ≥ 118.4. Có các cỡ diop từ +6 đến +30 Diopter. Tiêu chuẩn ISO; EC.	Hộp	200

STT	STT từng nhóm	Tên vật tư y tế	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng kế hoạch
65	65	Thủy tinh thể nhân tạo mềm HOYA Isert 151 hoặc tương đương	Thủy tinh thể mềm 1 mảnh, màu vàng chất liệu Acrylic Hydrophobic; Lọc ánh sáng xanh, lọc tia cực tím. Đường kính optic $\leq 6,0$ mm, chiều dài thủy thể $\geq 12,5$ mm; Bề mặt thủy tinh thể mịn; Optic thiết kế rìa vuông 360 độ; Càng thiết kế chữ C, chất liệu acrylic hydrophobic. Thủy tinh thể được cài đặt sẵn trong injector liền cartridge. Qua vết mổ 2,4 - 2,6mm; Chỉ số khúc xạ $\geq 1,52$; Độ sâu tiền phòng ACD $\geq 5,20$ mm; Hằng số A $\geq 118,4$. - Tiêu chuẩn: Châu Âu - EC, ISO	Cái	15
66	66	Thủy tinh thể nhân tạo mềm đơn tiêu lắp sẵn	Thủy tinh thể nhân tạo mềm đơn tiêu, 1 mảnh, kỵ nước, bề mặt phủ Heparin. Càng chữ C hoặc L. Góc càng ≥ 5 độ. Thiết kế Optic theo dạng bờ vuông hoặc cạnh vuông 360 độ, được cắt bằng dao kim cương. Đường kính optic ≤ 6 mm, đường kính tổng ≥ 13 mm. Dải công suất từ +4.00D đến +33.50D. Kích thước vết mổ ≥ 2.2 mm và ≤ 2.3 mm. Chỉ số khúc xạ ≥ 1.49 . Chỉ số SF ≤ 1.8 . Độ dày càng kính ≤ 0.325 mm. Kính lắp sẵn hoàn toàn trong cartridge kèm injector dùng 1 lần.	Cái	15
67	67	Màng lọc máu thận nhân tạo High-flux	Diện tích $1.8m^2$, Hệ số siêu lọc Kuf = $64(ml/h \times mmHg)$ Thanh thải Urea KoAUrea = 1,429 Thanh thải ở lưu lượng máu 300 ml/ph (Urea: 280, Creatinine: 261, Phosphate: 248, Vitamin B12: 190, Inuline:127, Cytochrome C: 111) Đạt tiêu chuẩn: ISO; EC Phương pháp tiệt trùng: INLINE steam	Màng	1.600
68	68	Quả lọc thận high flux	Tiêu chuẩn: EN ISO 13485, EC. Chất liệu α Polysulfone Pro hoặc Polyethersulfone, tiệt trùng bằng tia gamma, hoặc bằng hơi nước, diện tích $1,6 m^2$. Hệ số siêu lọc: từ 68 - 85 ml/h/mmHg. Độ thanh thải ở tốc độ máu 300ml/phút và tốc độ dịch 500 ml/phút: Urea từ 250 - 270 ml/phút, Creatinine từ 248 - 227 ml/phút, Phosphate từ 218 - 230ml/phút, Vitamin B12 từ 166 - 170 ml/phút, Inulin 106, Cytochrome C 81.	Quả	1.000
69	69	Ống Eppendorf	Chất liệu nhựa, 1,5ml. Gói 500 cái	Gói	45
70	70	Đầu col vàng	Chất liệu nhựa	Cái	187.000
71	71	Đầu col xanh	Chất liệu nhựa	Cái	39.000
72	72	Ống Cryo	1.8 ml không tiệt trùng. Hệ thống nắp vận dùng lưu mẫu, vận chuyển mẫu.	Ống	1.200
73	73	Ống nghiệm chống đông	Dung dịch chất chống đông: Trisodium Citrate hoặc Sodium Citrate; Ống nghiệm được hút chân không với thể tích mẫu 1,8ml; Chất liệu ống: PET; Kích thước ống: đường kính ngoài (12-13)mm; chiều dài ống 75mm; Nắp nhựa màu xanh bọc cao su; Quy cách đóng gói: hộp 100 ống; Tiêu chuẩn: ISO 9001, ISO 13485	Ống	4.800
74	74	Dây strip 8 ống 0.2ml PCR kèm nắp bằng nhựa bằng nhựa, loại trong	Thành mỏng, dùng cho phản ứng PCR, kèm nắp nhựa trong - Kín, không rò rỉ dung dịch. - Thể tích 0,2ml. - Đã tiệt trùng. - Không chứa DNAase, RNAase.	Dây	125
75	75	Ống lưu mẫu Cryo Tube	Kín, không rò rỉ. Tiệt trùng nắp xoáy 1.8ml	Ống	200
76	76	Môi trường vận chuyển bảo quản mẫu bệnh phẩm vi rút	- Dùng vận chuyển, bảo quản mẫu bệnh phẩm vi rút, thể tích 15ml. - Kín, không rò rỉ. - Bảo quản ở nhiệt độ phòng.	Ống	1.000
77	77	Bộ dẫn truyền cảm ứng 2 đường	Chất liệu: PVC y tế. Đầu cannula hình chữ J. 2 cảm biến nhạy. Duy trì tốc độ chậm 2-3ml/giờ, tub màu trắng và màu đỏ phân biệt đường động mạch và tĩnh mạch.	cái	10
78	78	Bóng đèn đặt nội khí quản	Bóng đèn thủy tinh	Cái	40

STT	STT từng nhóm	Tên vật tư y tế	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng kế hoạch
79	79	Buồng tiêm dưới da các cỡ (Người lớn, trẻ em)	Chất liệu: Titanium bọc nhựa Polyoxymethylene tương thích sinh học. Tương thích MRI. -Đặc điểm buồng tiêm: Đường kính đáy: 25.8mm x 20.8mm. Cao: 10.1mm. Đường kính màng ngăn: 10.5mm. Trọng lượng: 5g. Đường kính phần nối với catheter từ buồng tiêm: 1mm. Thể tích trong: 0.35ml - Đặc điểm Catheter: Bằng Silicon tương thích sinh học. Trên catheter đánh dấu mỗi cm, đánh số 5cm một đoạn (từ 5cm đến 40cm). Phát hiện được dưới X-quang. Đường kính ngoài: 2.16mm. Đường kính trong: 1.02mm. Dài: 600mm. Thể tích trong: 0.092ml/10cm. Cỡ của nong dẫn: 7Fr. Tốc độ dòng chảy (ml/phút): 22G: 13, 20G: 27, 19G: 29. - Phụ kiện kèm theo: 2 khóa hãm catheter (phát hiện được dưới x-quang). 1 kim thẳng Huber 23G. 1 thông dẫn catheter. 1 thông dẫn kèm dây dẫn đường J guidewire (0.035"-60cm). 1 kim chọc mạch 18G, 70mm. 1 dụng cụ tạo đường hầm fi 2.5mm và dài 23cm. 1 kim rửa catheter. 1 bơm tiêm 10ml.	Bộ	2
80	80	Cassette nhựa	Chất liệu nhựa; nhiều màu, không nắp	Cái	7.500
81	81	Dây cưa sọ não Olivecrona unbreakable wire saw hoặc tương đương	Đường kính 1.3mm, dài 400mm, hai đầu dây cưa khớp với bộ phẫu thuật sọ não tại bệnh viện (chứng minh khi cung cấp hàng trúng thầu). - Vật liệu thép không gỉ, sản xuất theo tiêu chuẩn Din EN 10088 T.1-3, Din EN ISO 7153-1, F 899-7	Sợi	50
82	82	Dây garo	Vải thun có băng dán	Cái	2.000
83	83	Điện cực dán đo vận động dẫn truyền dành cho máy điện cơ	Kích thước điện cực: loại đĩa 20mm; cảm biến bằng Ag/AgCl, kết nối thiết bị bằng cổng 1,5mm; dây dẫn có 4 màu khác nhau (<i>để phân biệt</i>) cho mỗi bộ; tương thích cho các kỹ thuật đo điện cơ; Dây dài 100cm; Tiêu chuẩn ISO 13485	Hộp	3
84	84	Điện cực đất loại dán dành cho máy điện cơ	Kích thước điện cực: 40x50 mm; Kích thước tiếp xúc: 40x50 mm; cảm biến bằng Ag/AgCl, kết nối thiết bị bằng cổng DIN 42802; tương thích cho các kỹ thuật đo điện cơ; Dây dài 100cm; Tiêu chuẩn ISO 13485,	Hộp	2
85	85	Lam kính	Hộp ≥72 cái	Hộp	288
86	86	Lam kính mài nhám	Hộp ≥72 cái	Hộp	84
87	87	Lamen	Hộp 100 cái. Kích thước 22x22mm	Hộp	360
88	88	Ligaclip extra LT300 hoặc tương đương	Chất liệu titanium	Cái	520
89	89	Lưỡi dao bào da (lạng da)	1 túi/1 cái. Tiệt trùng bằng tia Gamma	Cái	136
90	90	Lưỡi dao cắt vi phẫu	Dùng để cắt tiêu bản, Hộp 50 lưỡi	Hộp	8
91	91	Lưới điều trị thoát vị Prolene soft mesh SPMS hoặc tương đương	Kích thước: (từ 6cm đến 6,4cm) x (từ 11cm đến 11,4cm), -thành phần polypropylene không tiêu. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	miếng	60
92	92	Lưới điều trị thoát vị Prolene soft mesh SPMS hoặc tương đương	Kích thước: 15cm x 15cm, -thành phần polypropylene không tiêu. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Miếng	60
93	93	Bông xốp cầm máu	Kích thước: 5cm x 8 cm. Chất liệu bông xốp collagen tan tự nhiên.	Miếng	285
94	94	Phin lọc khuẩn cho máy đo chức năng hô hấp	Filter lọc khuẩn cho máy đo chức năng hô hấp được thiết kế có đầu ngâm, hiệu quả lọc tối đa: Lọc khuẩn BFE ≥ 99,9%, Lọc Virus VFE ≥ 99,9%, chất liệu màng lọc Electrostatic	Cái	300
95	95	Rọ lấy sỏi	Cỡ 3Fr, 4 cạnh, dài khoảng 90cm, đầu xoắn	Cái	15
96	96	Nắp dây Trocar	5.5mm, nhựa dẻo, màu đỏ, sử dụng phù hợp cho dây soi Olympus	Cái	50
97	97	Nắp dây Trocar	11 mm, màu xanh, sử dụng phù hợp cho dây soi Olympus	Cái	50
98	98	Đĩa đệm nhân tạo	Chất liệu PEEK - Cao 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16mm, dài 24mm, rộng 9mm - Mặt răng cưa nghiêng 0/ 4/ 8° - Có 3 điểm đánh dấu căn quang	Cái	11

STT	STT từng nhóm	Tên vật tư y tế	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng kế hoạch
99	99	Lưới Vá sọ Titan Tinh Khiết 3D	Chất liệu: Titan . - Thiết kế: Cấu trúc lưới có thể uốn 3 chiều (3D). - Có lỗ bắt vít chìm. - Rộng: 89mm đến 90mm, - Dài: từ 90mm đến 135mm - Độ dày: 0.4mm; 0.6mm	Cái	1
100	100	Nẹp thẳng vá sọ Titan	Chất liệu: Titan. - Nẹp từ 4 lỗ đến 16 lỗ - Độ dày nẹp: 0.3mm đến 1.0mm	Cái	3
101	101	Vít răng hàm mặt (vít mặt)	Chất liệu Titan, Ø2mm, dài từ 6mm đến 10mm	Cái	650
102	102	Nẹp nén ép bán hẹp các cỡ	Chất liệu thép không rỉ. vít Ø4.5mm, - Nẹp có 6, 8, 10 lỗ	Cái	27
103	103	Nẹp nén ép bán rộng các cỡ	Chất liệu thép không rỉ. vít Ø4.5mm, - Nẹp có 8, 10, 12 lỗ	Cái	15
104	104	Vít xương xóp mắt cá các cỡ	Chất liệu thép không rỉ. Ø4.5mm, dài 30- 50 mm	Cái	50
105	105	Băng đạn dùng cho dụng cụ khâu cắt nội soi đa năng	Băng đạn nội soi loại nghiêng 45mm, dùng cho mô trung bình đến mô dày, có lưỡi dao mới trong mỗi băng đạn, thiết kế 3 hàng ghim dập có chiều cao ghim khác nhau chiều cao kim 3mm - 3,5mm - 4mm trong mỗi băng đạn, tiêu chuẩn FDA	Cái	12
106	106	Endopath Xcel B11LT hoặc tương đương	Đường kính 11 mm	Cái	7
107	107	Endopath Xcel Bladeless Trocar B5LT hoặc tương đương	Đường kính 5 mm	Cái	7
108	108	Stapler thẳng (Endo stapler) dùng để cắt phổi	*Dụng cụ khâu cắt thẳng 45 mm, dài 34 cm, gập góc 45 độ, dao theo máy hình chữ C bằng thép dúc 400 không rỉ + băng ghim của dụng cụ khâu cắt thẳng 45 mm, kim đóng bằng Titanium Alloy 1.0/ 1.5/ 2.0 mm. *Dụng cụ khâu cắt thẳng 60mm, dài 34 cm, gập góc 45 độ, dao theo máy hình chữ C bằng thép dúc 400 không rỉ, + băng ghim của dụng cụ khâu cắt thẳng 60 mm, kim đóng bằng Titanium Alloy 1.0/ 1.5/ 2.0 mm.	Bộ	1
109	109	Kim đốt RFA đơn cực	Sử dụng tương thích với máy Cool-tip™ RFA. Một điện cực đơn cực tích hợp thước đo dài 17cm Hai điện cực bệnh nhân (REM) Bộ ống dẫn cấp và thoát nước Chiều dài: 7.87 "(20 cm) Đầu dò điện cực: 3.0cm	Cái	3
110	110	Dụng cụ cắt nối thẳng Echelon flex - EC45A/EC60A hoặc tương đương	*Dụng cụ khâu cắt thẳng 45mm, dài 34cm, gập góc 45 độ, dao theo máy hình chữ C bằng thép dúc 400 không rỉ + Băng ghim của dụng cụ khâu cắt thẳng 45mm, kim đóng bằng Titanium Alloy *Dụng cụ khâu cắt thẳng 60mm, dài 34cm, gập góc 45 độ, dao theo máy hình chữ C bằng thép dúc 400 không rỉ + Băng ghim của dụng cụ khâu cắt thẳng 60mm, kim đóng bằng Titanium Alloy	Cái	10
111	111	Băng đạn của dụng cụ khâu cắt thẳng	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi đa năng Echelon 45mm/60mm làm bằng titanium alloy với 6 hàng ghim, chiều cao ghim đóng 1mm; 1.5mm; 2mm.	Cái	48
112	112	Dụng cụ khâu nối vòng Kangdi Hem Stapler hoặc tương đương	Dụng cụ cắt khâu nối dùng trong kỹ thuật Longo khâu cắt, treo trĩ, sa trực tràng, lên đến 4 lỗ kéo chỉ, chiều cao ghim 4.2mm, đường kính ngoài 32mm hoặc 33.5mm, đường kính trong 23mm hoặc 24.2mm. Có bộ phận hiển thị mức độ kẹp mô phù hợp. Độ dập ghim ép mô 1.5-.08	Cái	10
113	113	Đèn Clar khám tai mũi họng	Đèn không dây cục sạc gián tiếp. *Trọng lượng: 200g ± 10%. * Bóng đèn LED ánh sáng trắng 3.2V. * Gương cầu chuẩn có thể điều chỉnh được từ 1.0cm đến 6.0cm.. * Có pin sạc dung lượng cao.	Cái	10
114	114	Dao siêu âm	Dao siêu âm mở mở lưỡi móc, cán dài 4-9cm, kết hợp với dây dao Harmonic Xanh HPBLUE và máy phát chính GEN11	Cái	1

STT	STT từng nhóm	Tên vật tư y tế	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng kế hoạch
115	115	Dây dao siêu âm mở mở	Bộ phận tạo ra sóng siêu âm, kết nối giữa máy phát Harmonic và dao siêu âm mở mở (Dùng cho máy Gen 11 và Gen 4)	Cái	1
116	116	Dây dao siêu âm mở nội soi	Bộ phận tạo ra sóng siêu âm, kết nối giữa máy phát Harmonic và dao siêu âm mở nội soi (Dùng cho máy Gen 11 và Gen 4)	Cái	1
117	117	Tay dao siêu âm mở mở dạng kéo cong	Dụng cụ dài 17cm, sử dụng sóng siêu âm để cắt mô và hàn được mạch máu tối đa 5mm, kết nối với dây dao HPBLUE, dùng trong mổ hở bướu giáp	Cái	1
118	118	Tay dao siêu âm mở mở dạng kéo cong	Dụng cụ dài 9cm, sử dụng sóng siêu âm để cắt mô và hàn được mạch máu tối đa 5mm, kết nối với dây dao HPBLUE, dùng trong mổ hở bướu giáp	Cái	1
119	119	Tay dao siêu âm mở mở Lưỡi thiết kế dạng kéo cong	Dụng cụ dài 23cm, đường kính 5mm, sử dụng sóng siêu âm để cắt mô và hàn được mạch máu tối đa 5mm, kết nối với dây dao HP054	Cái	1
120	120	Tay dao siêu âm mở nội soi Lưỡi thiết kế dạng kéo cong	Dụng cụ dài 36cm, đường kính 5mm, sử dụng sóng siêu âm để cắt mô và hàn được mạch máu tối đa 5mm, kết nối với dây dao HP054	Cái	4
121	121	Ance cắt đốt u xơ tiền liệt tuyến A22201A hoặc tương đương	Điện cực cắt rạch hình vòng 24Fr, dây cắt 0.35	Cái	10
122	122	Banh bảo vệ đường mổ dùng 1 lần	Đường kính vòng trên 80mm, đường kính vòng dưới 90mm, chiều cao 150mm, đường kính lòng banh 80mm, sử dụng cho đường rạch kích thước 2.5-6cm Chất liệu Vòng banh: PU (polyurethane), thân banh: PU (polyurethane) + silicon gel Banh được thiết kế tự giữ giúp bác sỹ rảnh tay trong quá trình phẫu thuật	Cái	70
123	123	Banh bảo vệ đường mổ dùng 1 lần	Đường kính vòng trên 150mm, đường kính vòng dưới 160mm, chiều cao 150mm, đường kính lòng banh 150mm, sử dụng cho đường rạch kích thước 7-13cm. Chất liệu Vòng banh: PU (polyurethane), thân banh: PU (polyurethane) + silicon gel Banh được thiết kế tự giữ giúp bác sỹ rảnh tay trong quá trình phẫu thuật	Cái	220
124	124	Banh bảo vệ đường mổ dùng 1 lần	Đường kính vòng trên 180mm, đường kính vòng dưới 190mm, chiều cao 250mm, đường kính lòng banh 180mm, sử dụng cho đường rạch kích thước 9-16cm Chất liệu Vòng banh: PU (polyurethane), thân banh: PU (polyurethane) + silicon gel Banh được thiết kế tự giữ.	Cái	120
125	125	Kim đốt RFA đơn cực	Sử dụng tương thích với máy Cool-tip™ RFA. Một điện cực đơn cực tích hợp thước đo dài 17cm Hai điện cực bệnh nhân (REM) Bộ ống dẫn cấp và thoát nước Chiều dài: 7.87 "(20 cm) Đầu dò điện cực: 2.0 cm	Cái	5
126	126	Bộ dây máy gây mê người lớn dùng 1 lần	Bộ dây gồm: - Dây 2 nhánh có thể co giãn 1,8m, có cổng trích khí CO ₂ - Dây nối dài 0,9m - Túi mê 2L	Bộ	60
127	127	Bộ dây máy gây mê trẻ em dùng 1 lần	Bộ dây gồm: - Dây 2 nhánh có thể co giãn 1,8m, có cổng trích khí CO ₂ - Dây nối dài 0,9m - Túi mê 2L	Bộ	60
128	128	Bộ kim luồn dây nối an toàn hệ thống kín	Gồm: kim luồn an toàn và dây nối 3 chạc -có 2 cổng bơm truyền kín, -chất liệu nhựa Vialon, có đầu bảo vệ toàn bộ thân kim bằng nhựa nguyên khối	Bộ	100
129	129	Đầu thắt tĩnh mạch thực quản	Bộ thắt tĩnh mạch thực quản bao gồm tay cầm chất liệu ergonomic, và 1 đầu thắt với 6 vòng thắt, đường kính kênh làm việc tối thiểu 2.8mm; đường kính ngoài dây soi: 9,5 mm. Có kênh bơm rửa nước	Cái	80

STT	STT từng nhóm	Tên vật tư y tế	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng kế hoạch
130	130	Thun cao su thắt trĩ	Vòng cao su. Quy cách: tối thiểu 100 cái/ hộp	Cái	200
131	131	Kẹp cầm máu	Đường kính mở 11mm, chiều dài ống thông 155cm, 355cm	Cái	50
132	132	Clip cầm máu loại chuẩn	Clip cầm máu có đường kính mở 9- 18mm, xoay 2 chiều 360 độ, với độ mở 135 độ; Chiều dài các cỡ 1800mm, 2300mm. Sau khi bắn ra, cánh clip có độ dài tương ứng là 12,5-14,5mm, Đường kính ngoài của ống tube tối đa 2.6mm. - Đóng mở được nhiều lần	Cái	230
133	133	Kim chích cầm máu	Kim chích xơ, cầm máu nội soi, kích cỡ kim 21-25G. Kim dài 4-6mm. Đường kính dây dẫn 1650-2300 mm. Có ngã bơm rửa.	Cái	10
134	134	Dao cắt cơ vòng ba kênh	dao cắt cơ vòng 3 kênh, có thể xoay được (ERCP): ,Chiều dài Catheter: 1700-2000 mm tương thích dây dẫn: 0.035 inch Dây cắt: 20-30 mm Chiều dài đầu: 3-7 mm. Có màu đánh dấu với vòng màu đen, đầu tip cân quang.	Cái	6
135	135	Dây dẫn đường	Dây dẫn đường dùng trong ERCP: Đầu dây dẫn thiết kế dạng xoắn, có các điểm đánh dấu màu đen và vàng. 5-7cm đầu tip bằng chất liệu Hydrophilic. Đầu tip có hai hình dạng: dạng thẳng hoặc cong. Chiều dài dây dẫn tùy chọn từ 270cm đến 450cm, đường kính dây dẫn hướng từ 0.025inch-0.035inch.	Cái	4
136	136	Bộ đặt stent	Bộ dây stent nhựa đường mật có đường kính ống các cỡ 7F; 8.5F, 10F. Chiều dài làm việc 202.5cm. Catheter có đánh dấu điểm trong x-quang, tay cầm có khóa cơ học, có kênh đi guidewire.	Cái	2
137	137	Cannula ECMO động mạch 01 nòng	Phù chất chống đông máu Bioline - Thời gian sử dụng lên đến 30 ngày khi dùng với bộ phôi HLS hoặc PLS - Bộ gồm cannula, dụng cụ đặt, dây hỗ trợ cố định, miếng dán cố định bằng nhựa - Các cỡ đường kính từ 15Fr đến 23Fr, chiều dài 15cm hay 23cm - Chất liệu của các chi tiết: - Cannula: polyurethane (PUR), thép không rỉ - Dụng cụ đặt: polypropylene (PP), không chứa phthalate, polyvinyl chloride (PVC-P) dẻo với BaSO ₄ , không chứa DEHP	Cái	10
138	138	Meritrans DTX plus hoặc tương đương	Bộ dẫn truyền cảm ứng theo dõi huyết áp động mạch xâm lấn 1 đường bằng PVC, đầu truyền dịch hình chữ J. Có dây nối phụ phân biệt xanh (tĩnh mạch) đỏ (động mạch). - áp lực đo từ -30 đến 300mmHg, độ nhạy 5μv/v/mmHg. - Nhiệt độ hoạt động từ 15°C đến 40°C - Trở kháng kích thích: >200 ohms - Trở kháng tín hiệu đầu ra: <3000 ohms - Đối xứng đầu dò: ±5% - Lệch vị trí số không (Cân bằng Zero) :± 40mmHg - Độ chính xác: Sai số tối đa do tổng hiệu ứng của các biến thiên phi tuyến, độ trễ và độ nhạy sẽ không quá 2% số đọc hoặc ± 1 mmHg, tùy theo giá trị nào lớn hơn trong phạm vi hoạt động. (Đo áp lực trước và sau màng)	Cái	20
139	139	Clamp kẹp ống ECMO	Kẹp Catheter dùng khi thay bộ chuyển tiếp	Cái	5
140	140	Dây nối chịu áp lực cao	Dây bơm thuốc áp lực cao có độ dài 150cm. Chất liệu PVC TPU. Chịu được áp lực 1200 psi	Dây	150
141	141	Bóng nong điều trị hẹp mạch máu não	Ống thông 2 nòng có gắn bóng nong dùng trong can thiệp điều trị xơ vữa động mạch nội sọ. - Đường kính 1.5, 2.0, 2.5, 3.0, 3.5, 4.0mm, chiều dài bóng nong 8mm, đường kính trong 0.0165"-0.017". - Đường kính ngoài đầu xa - gần là 2.7F/ 3.7F, chiều dài 150cm. - Áp lực danh nghĩa 6 atm, áp lực tối đa 14 atm. - Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO, CE.	Cái	3

STT	STT từng nhóm	Tên vật tư y tế	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng kế hoạch
142	142	Dây dẫn can thiệp mạch não	Dây dẫn chất liệu công nghệ Nitinol- stainless hypbrid, lớp vỏ là PTFE, đặc biệt đầu gần là PTFE mật độ cao giúp giảm ma sát, phủ Hydrophilic dài 200 cm trong đó chiều dài đầu xa là 40 cm với lõi là Nitinol. Đường kính đầu gần 0.014 inches và đường kính đầu xa là 0,012 inches. Chiều dài đầu xa có thể uốn được là 1,4cm.	Cái	10
143	143	Dụng cụ lấy huyết khối mạch máu não	Stent nitinol dùng để lấy huyết khối trong can thiệp điều trị đột quỵ mạch não. - Chất liệu Nitinol, có 3 X-ray marker ở đầu xa của stent. - Thiết kế hybrid kết hợp giữa mắt lưới lớn và mắt lưới nhỏ. - Đường kính 2.5mm, 3.5mm, 4.5mm, 6.0mm - Chiều dài 16, 28, 30, 40, 50mm. - Stent tương thích với mạch máu đường kính 1.0-2.0mm, 1.5-3.0mm, 2.0-4.0mm, 3.5-5.5mm. - Tương thích với ống thông có đường kính trong 0.0165", 0.021" và 0.027". - Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO, CE.	Cái	5
144	144	Ống hút huyết khối mạch não đường kính trong lớn các cỡ	Kích cỡ đường kính ngoài đầu gần: 6F, đường kính trong đầu xa: .072"; 0.068" Đường kính ngoài đầu xa: 6F. Chiều dài 132 cm. Có nhiều đoạn chuyển tiếp.	Cái	2
145	145	Kim cắt vòng xoắn kim loại bit túi phình mạch	Kim cắt tách vòng xoắn kim loại đã được tích điện sẵn. Được sử dụng để cắt vòng xoắn trong vòng 0.75 giây/ vòng xoắn.	Cái	5
146	146	Ống thông chẩn đoán mạch máu	Ống thông chẩn đoán ngoại biên. Có cấu trúc lưới kép - Đường kính trong 0.040""(1.02mm) loại 4F, 0.046"" (1.17mm) loại 5F - Đuôi kích thước: dài 65cm, 100cm, 125cm - Tương thích guide wire 0.035"; 0.038".	Cái	2
147	147	Ống thông chụp mạch não	Cấu tạo: 3 lớp, với lưới đan thép không gỉ (SUS). Bề mặt phủ lớp polyamide, đầu tip bo tròn, cấu trúc đồng trục. Kích thước: 5Fr (đường kính trong 0.043"). Chiều dài 100cm. Bề mặt cân quang. Tương thích guidewire 0.038". Giới hạn áp lực 1000psi (6,895kPa)	Cái	10
148	148	Ống thông dẫn đường can thiệp các loại	Kích cỡ 6F. Đường kính trong lớn loại 0.070" và 0.088". Chiều dài loại 0.070": 105cm; Chiều dài loại 0.088": 80cm; 90cm. Đường kính ngoài đầu gần/đầu xa 8F/8F đối với loại 0.088", đường kính đầu gần/đầu xa 6F/6F đối với loại 0.070" .	Cái	5
149	149	Khung giá đỡ hẹp mạch nội sọ (không phủ thuốc)	Stent tự giãn nở dùng trong can thiệp điều trị xơ vữa động mạch nội sọ. - Đường kính 3.0mm, 4.0mm, 5.0 mm. - Chiều dài 15mm, 20mm, 25mm, 30mm. - Stent tương thích với mạch máu đường kính 2.0-2.5mm, 2.5-3.5mm, 3.5-4.5mm. - Tương thích với ống thông gắn bóng đường kính 1.5-4.0mm, chiều dài bóng 8mm. - Có thể thu hồi sau khi thả 90% chiều dài stent. - Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO, CE.	Cái	2
150	150	Vòng xoắn kim loại bit túi phình mạch - coils	Vòng xoắn kim loại chất liệu Platinum với các kiểu hình xoắn khác nhau: Xoắn ốc, phức hợp 3D, siêu mềm 2D, siêu mềm 3D,... Có 2 hệ thống coil 10 và coil 18, đường kính vòng xoắn từ 1mm đến 24mm, chiều dài coil từ 1cm đến 68cm.	Cái	5
151	151	Vòng xoắn kim loại cỡ lớn	Vòng xoắn bằng platinum. Lõi bằng Nitinol. Đường kính sợi coil kích cỡ 0.020". Có nhiều kích cỡ khác nhau đường kính có: 2mm ...đến 32mm, độ dài đa dạng có: 2cm ...đến 60cm.	Cái	1
152	152	Super Arrow hoặc tương đương	Dụng cụ mở đường với chức năng chốt tự động, với cổng nằm phía bên/van cầm máu và đính kèm stopcock 3 ngã. Bề mặt của sheath phủ lớp ái nước và đầu tip có đánh dấu cân quang. Chiều dài 7.5cm, 11cm.	Cái	10
153	153	Đầu nối, phụ kiện gói Tim Phổi	Đầu nối (Y Connector) 3/8 x 3/8 x 3/8inch; Heart Lung pack Accessories (nối thêm đường khi thiếu dòng)	Cái	10
154	154	Súng bắn dây	Dụng cụ đóng mạch máu bằng chỉ ngoại khoa. Khả năng đóng mạch máu có kích thước lên tới 5 - 21F (động mạch) và 5 - 24F (tĩnh mạch) Cơ chế kéo cắt (QuickCut) nằm ngay trên thân Proglide, Nút thắt được tạo sẵn, có các bước đánh số ghi trên thân.	Cái	7

STT	STT từng nhóm	Tên vật tư y tế	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng kế hoạch
155	155	Bộ khăn chụp mạch não	Bộ khăn chụp mạch não gồm: 01 x Khăn trải bàn dụng cụ 200 x 260cm: lớp plastic màu và lớp vải không dệt 3 lớp; 01 x Khăn chụp mạch vành 3 lỗ 240 x 390cm với lỗ đuôi kích thước 13cm, lỗ tay kích thước 8cm; 01 x Bao kính chắn chì 120x100cm có màng thun; 01 x Tấm phủ chắn chì 150 x 180cm; 01 x Bao chụp đầu đèn đường kính 60cm; 10 x Khăn thấm 30 x 40cm; 01 x Khăn lót 50 x 60cm; 02 x Que thấm betadine 19cm; 01 x Bơm tiêm luer lock 10ml; 02 x Bơm tiêm 10ml; 10 x Gạc cotton 12 lớp 10cm x 10cm; 01 x Kim 23G; 01 x Chén nhựa xanh 1000 ml; 02 x Chén nhựa 100ml; 01 x Chén nhựa 50 ml; 01 x Khay nhựa 44cm (L) x 36cm (W) x 11cm (H); 02 x Áo phẫu thuật size L; Khăn chính làm từ vải không dệt 6 lớp SMMMMS, định lượng 47gsm, có tính năng chống thấm, chống tĩnh điện. Tiêu chuẩn ISO13485:2016, CE. Tiệt trùng EO.	Bộ	100
156	156	Vi dây dẫn can thiệp siêu nhỏ	Vi dây dẫn can thiệp siêu ái nước có đường kính 007", 008", 014" và loại có đoạn xa 0.014", đoạn gần 0.012". Đầu gần làm bằng thép không rỉ, đầu xa làm bằng nitinol giúp định hình tốt chống gây gập. Dễ dàng tạo hình đầu xa từ phiên bản đầu D.	Cái	2
157	157	Vi ống thông can thiệp mạch máu não	Lớp ngoài cùng có phủ Hydrophilic. Loại dài 156cm (đường kính ngoài đầu gần/xa là 2.1F/1.6F, có 2 markers cân quang), loại dài 167cm (đường kính ngoài gần/xa là 2.1F/1.3F, có 1 marker cân quang, đầu thuôn nhọn)	Cái	10
158	158	Giá đỡ (stent) các loại, các cỡ	Khung giá đỡ động mạch vành các cỡ phủ thuốc Sirolimus có phủ lớp polymer sinh học tự tiêu. Chất liệu khung Cobalt Chromium L605. Độ dày mắt stent 71µm. Khung có loại 6 mắt (cho dk 2.25-2.50), 8 mắt (dk 2.75-3.50), 10 mắt (dk 4.00-5.00). Profile bằng qua tổn thương 0.9mm. Polymer tương thích sinh học Polylactid acid. Nồng độ thuốc phủ: 1.25 µg/mm ² . Đường kính stent: từ 2.25-5.0mm, Độ dài stent: từ 8 - 40mm.	Cái	1
159	159	Giá đỡ (stent) các loại, các cỡ	- 'Chất liệu: Cobalt Chromium. - Loại durable polymer, phủ thuốc Novolimus. - Độ dày thanh mắt cáo 81 µm. - Lớp phủ thuốc và polimer mỏng 3µm. - Nồng độ: 5microgram/mm độ dài stent. - Đường kính: 2.5; 2.75;3.0;3.5;4.0mm. - Độ dài: 14,18,23,28,32,38mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO	Cái	35
160	160	Giá đỡ (stent) các loại, các cỡ	Nguyên liệu làm giá đỡ: Cobalt Chromium. Loại durable polymer, phủ thuốc Novolimus. Độ dày mắt cáo 81 µm. Lớp phủ thuốc và polimer mỏng 3µm. Liều thuốc: 5microgram/mm độ dài stent Đường kính: 2.5; 2.75;3.0;3.5;4.0mm Độ dài: 14,18,23,28,32,38mm	Cái	30
161	161	Giá đỡ (stent) các loại, các cỡ	_ Stent lõi Co-Cr(L605), thành Stent mỏng 60µm tất cả các đường kính nền tảng Tetrinium. Cấu trúc LDZ-link tăng tính linh hoạt. Phủ thuốc Sirolimus liều lượng 1.4µg/mm². Polymer 3 thành phần: PLLA, PLCL, PVP tự tiêu. Tỷ lệ co lại <4% & rút ngắn 0%. Hai marker Pt/Ir trên bóng. Sóng stent 4 crown - 6 crown - 8 crown tùy đường kính đảm bảo sự toàn vẹn cấu trúc stent. _ Đường kính: 2.0-4.5 mm, dài: 8-48mm. NP: 10 atm, RBP: 16 atm _ Chứng nhận: ISO 13485:2016, CE.	Cái	35
162	162	Bóng nong (ballon) các loại, các cỡ.	_ 2 lớp phủ Hydrophilic bằng sóng siêu âm Glide bên ngoài và Fast bên trong. Bóng chất liệu Property pebax 2 nếp gấp (đường kính 1.0mm), 3 nếp gấp (đường kính 1.25-4.0mm) & thân ống Hypotube. _ Tip profile 0.016" _ Hai marker bằng Pt/Ir (1 marker cho bóng có đường kính từ 1.0-1.75mm). _ Đường kính: 1.0 mm - 4.0 mm. Chiều dài: 5mm - 30 mm. _ NP: 6 atm; RBP: 14atm _ Chứng nhận: ISO 13485:2016, CE.	Cái	50

STT	STT từng nhóm	Tên vật tư y tế	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng kế hoạch
163	163	Bóng nong (ballon) các loại , các cỡ .	_ 2 lớp phủ Hydrophilic bằng sóng siêu âm Glide bên ngoài và Fast bên trong. Bóng chất liệu Nylon 3 nếp gấp, thân ống thiết kế Hypotube. _ Tip profile 0.016" _ Hai marker bằng vật liệu Pt/Ir _ Đường kính: 2.0mm - 5.0 mm. Chiều dài: 6mm - 30 mm. _ NP: 12atm; RBP: 22atm (2.0-4.0mm), 20atm (4.5-5.0mm) _ Chứng nhận: ISO 13485:2016, CE.	Cái	40
164	164	Bóng nong (balloon) các loại, các cỡ	Bóng nong mạch vành có phủ thuốc Paclitaxel với liều lượng 3.0 µg/mm². Thuốc Paclitaxel được hấp thu trên Butyryl-Tri-Hexyl Citrate (BTHC), có 3 nếp gấp, 2 điểm đánh dấu bằng Platinum-Iridium Đường kính: 2.0; 2.5; 3.0; 3.5; 4.0 mm Chiều dài: 10, 15, 20, 25, 30 mm Chứng nhận chất lượng : CE	Cái	5
165	165	Bóng nong mạch vành áp lực cao	- Chất liệu: Nylon Blend với lớp kép. Tráng phủ Hydrophilic - 3 nếp gấp - Trục gần tráng phủ PTFE - Thiết kế dạng chuyển đổi nhanh RX - Rapid Exchange - Khẩu kính đầu xa (entry profile): 0.017" - Đường kính: Ø2.0 - 4.5mm - Độ dài bóng: 10 - 30mm - Áp lực tối đa: 20 bar; Áp lực bơm bóng: 12 bar - GW tương thích 0.014" - Kích thước thân (phần xa- gần): 1.9 - 2.7F - 2 markers cân quang trên thân bóng. - Chiều dài khả dụng Catheter: 140cm - Tiêu chuẩn FDA, ISO	Cái	40
166	166	Bộ dụng cụ lấy huyết khối	Thrombuster Pro - Chất liệu: Tetrafluoroethylene và polyethylene - Nòng dây dẫn dài 12 cm (loại GR) và 20cm (loại SL), gia cố ở đầu giúp tăng khả năng đẩy vừa giảm nguy cơ ống thông bị xoắn vặn. Ngoài ra, thiết kế stylet ở nòng hút làm tăng khả năng đẩy - Mặt cắt xiên, đường kính lòng hút lớn cho hiệu suất hút cao. - Thể tích hút: 5ml - 12ml tùy đường kính catheter - Tráng phủ Hydrophilic 30cm từ đầu tip đảm bảo trơn trượt khi đưa catheter vào mạch máu. - Kích cỡ 6F, 7F. Chiều dài khả dụng Catheter: 140cm - Tiêu chuẩn CE, ISO	Bộ	5
167	167	Bộ máy tạo nhịp tim 1 buồng	Cấu hình cho mỗi máy gồm: Máy chính kèm phụ kiện tiêu chuẩn trong đó đã có 01 dây điện cực, 01 kim chọc mạch. Tính năng kỹ thuật: • Tính năng ImageReady cho phép bệnh nhân chụp MRI toàn thân với hệ thống, 1.5T và 3T không giới hạn thời gian chụp. Có chức năng tự động hồi phục cài đặt ban đầu sau khi ra khỏi phòng MRI. • Kết nối không dây bằng sóng RF. • Tính năng PaceSafe trong tâm thất và tâm nhĩ cho khả năng cung cấp điện chính xác để kích thích tim. • Tính năng RightRate sử dụng cảm ứng MV (Minute Ventilation) là cảm ứng có hiệu quả hồi phục lại nhịp tim sinh lý cho bệnh nhân. • Chức năng POST giúp việc kiểm tra bệnh nhân định kỳ. • Lưu trữ EGM đa kênh ≥14 phút. • EasyView: các đầu nối điện cực có ký hiệu rõ ràng giúp bác sĩ dễ dàng hơn khi đặt máy, tránh nhầm lẫn các dây điện cực nhĩ và thất. Tiêu chuẩn kỹ thuật: EC hoặc FDA	Bộ	10

STT	STT từng nhóm	Tên vật tư y tế	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng kế hoạch
168	168	Bộ máy tạo nhịp tim 2 buồng	Cấu hình cho mỗi máy gồm: Máy chính kèm phụ kiện tiêu chuẩn trong đó đã có 02 dây điện cực, 02 kim chọc mạch. Tính năng kỹ thuật: • Tính năng ImageReady cho phép bệnh nhân chụp MRI với hệ thống, 1.5T và 3T không giới hạn thời gian chụp. Có chức năng tự động hồi phục cài đặt ban đầu sau khi ra khỏi phòng MRI. • Kết nối không dây bằng sóng RF. • Tính năng RightRate sử dụng biến MV (Minute Ventilation) là cảm biến có hiệu quả hồi phục lại nhịp tim sinh lý cho bệnh nhân. • Tính năng AV Search+ được thiết kế để giảm thiểu tối đa kích thích thất phải không cần thiết, giảm nguy cơ suy tim. • Chức năng POST giúp việc kiểm tra bệnh nhân định kỳ. • Lưu trữ EGM đa kênh ≥ 14 phút. • EasyView: các đầu nối điện cực có ký hiệu rõ ràng giúp bác sĩ dễ dàng hơn khi đặt máy, tránh nhầm lẫn các dây điện cực nhĩ và thất. • Khả năng ghi nhớ dữ liệu 365 ngày. • Safety Core cho phép máy đảm bảo khả năng tạo nhịp tối thiểu cần thiết cho bệnh nhân trong trường hợp có lỗi phần mềm mà không thể phục hồi tự động. Tiêu chuẩn kỹ thuật: EC hoặc FDA	Bộ	10
169	169	Bộ bơm bóng có co nối Y	Bơm tiêm (syringe) 20cc. Áp suất tối đa 30atm. Thể tích 20cc. Tay điều khiển dạng tròn và xoay tròn, phần mang syringe và đồng hồ trong suốt. Phụ kiện: kim tiêm 20G, torque device và co nối Y cầm máu vật liệu Polycarbonate - đường kính trong lỗ van 10Fr	Bộ	5
170	170	Vi dây dẫn đường (guide wire) các cỡ	Dây dẫn đa lõi (thiết kế vòng xoắn kép) tăng độ bền đầu tip, khả năng phản hồi momen xoắn và chống giật. Dây dẫn đơn lõi one-piece core. Tip load từ 0.3 - 20 gf hỗ trợ rất tốt cho các trường hợp can thiệp CTO. Lớp phủ: silicon, trơn hoặc lớp phủ trơn trên nền polymer. Đầu tip: straight, J, pre-shape. Chiều dài: 180, 190, 300 cm / 330cm (RG3). Chứng nhận chất lượng: ISO, CE.	Cái	30
171	171	Dụng cụ lấy dị vật (multi-snare) trong tim mạch các cỡ	Dụng cụ bắt dị vật kích thước lớn - Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA, ISO, CE - Ba vòng tròn xoắn lại với nhau và tự làm vừa kích cỡ để gộp các mạch trội nhất lại với nhau. - Dây Nitinol siêu đàn hồi có đặc tính là mềm dẻo, có độ chịu xoắn tốt, và độ xoắn được kiểm soát 1:1. - Các vòng Nitinol xoắn lại với nhau tạo nên toàn vẹn về cấu trúc. - Thước làm việc: 6-10mm, 9-15mm, 12-20mm, 18-30mm, 27-45mm - Chiều dài: 100cm	Cái	2
172	172	Bộ kết nối 3 cổng manifold	Bộ phân phối 2,3 ngã, thiết kế block body, thân Polycarbonate, chịu được áp lực 500 psi, cổng khóa male dạng xoay	Cái	100
173	173	Dây dẫn đường (guide wire) các cỡ	Dây dẫn chẩn đoán Mạch Vành và Mạch Máu Ngoại Vi dạng Starter Guidewire. Với hệ thống 0.018", 0.025", 0.028", 0.032", 0.035", 0.038"; chiều dài: 80cm, 125cm, 150cm, 180cm, 260cm. Phủ PTFE, đầu tip J, JFS, thẳng.	Cái	10
174	174	Đầu Dome phục vụ đo huyết áp xâm lấn	Dùng để chứa đầu cảm biến đo huyết áp xâm lấn	Cái	150
175	175	Đầu nối Male/male connector.	* Chất liệu: Polycarbonate * Đầu nối linh hoạt chống xoắn dây khi nối.	Cái	310
176	176	Đầu nối có van 1 chiều, theo dõi huyết động xâm lấn	Đầu male rotate. Khóa vận OFF, áp lực 250 psi. Tốc độ 3ml/h.	Cái	150

STT	STT từng nhóm	Tên vật tư y tế	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng kế hoạch
177	177	Khớp háng toàn phần không xi măng Trilogy & M/L Taper hoặc tương đương	1.+Ổ cối (Shell) vật liệu Tivanium Ti-6Al-4V Alloy. Kích cỡ : 48 – 62 mm với mỗi bước tăng 2 mm. - Có 5 loại ổ cối: Ổ cối có 1 lỗ ở giữa, Ổ cối không lỗ, Ổ cối có một cụm lỗ, Ổ cối nhiều lỗ, Ổ cối có gai 2.+ Lót ổ cối (Liner): Ultra-High-Molecular-Weight Polyethylene (UHMWPE) - Đường kính trong: 28 mm - Đường kính ngoài: 46 – 62 mm với mỗi bước tăng 2 mm. 3.+Chòm khớp (Head) vật liệu thép không rỉ, Đường kính đầu (head): 28 (0, ±3.5, +7) mm. 4.+Vít ổ cối (BONE SCREW): chất liệu Tivanium Ti-6Al-4V Alloy, đường kính vít 5,5mm hoặc 6.5mm, dài 25-45mm 5.+Cuồng khớp vật liệu: Tivanium Ti-6Al-4V Alloy; Plasma Spray; - Cỗ côn 12/14 - Kích cỡ chuỗi (Stem Size) : 9- 16 mm - Chiều dài chuỗi (Stem Length): 130-170mm	Bộ	10
178	178	Vít neo cố định dây chằng	Chất liệu: Nút Titanium (3.4 mm × 13 mm) được kết nối với vòng polyethylene - Thiết kế: Được thiết kế để được gắn cố định vào vỏ xương, được làm từ nút titanium nối với vòng dây polyethylene. Vật tư được bện bên trong, tạo thành 2 vòng dây kết nối với nhau và được rút ngắn bằng cách căng kéo xen kẽ trên chỉ khâu của vật tư. Cấu trúc chỉ khâu có thể rút ngắn xuống đường kính vòng 11mm và cơ chế khoá 4 nút một chiều để cố định không nút thắt có ma sát. Cố định 4 điểm không nút thắt chống lại sự dịch chuyển vòng và còn cho phép kéo căng gân ghép sau khi đã cố định .	Cái	80
179	179	Mũi khoan	Chất liệu: Thép không gỉ - Thiết kế: là loại khoan và chốt dẫn đường cho phép xâm lấn hốc xương tối thiểu từ trong ra ngoài. Giúp tự do định vị ổ cắm.	Cái	6
180	180	Chỉ khâu sụn chêm	"-Dùng để khâu tổn thương trong nội soi khớp vai & gối. -Chỉ siêu bền, chất liệu UHMWPE, có màu để dễ dàng quan sát, chiều dài từ 45 cm đến 100 cm. -Đầu kim dạng bán nguyệt, kim nhọn.	Cái	12
181	181	Dây nước dùng trong nội soi khớp	Dùng cho phẫu thuật nội soi khớp. - Dây dẫn nước áp lực trong nội soi khớp. - Bao gồm điều khiển bằng tay khử trùng.	Cái	40
182	182	Đầu đốt	Tương thích với máy cắt đốt tần số sóng vô tuyến OPES (OPES Electrosurgical Generator) Lưỡi cắt đốt năng sóng Radio frequency, đường kính 3.75mm , góc cong 90 độ, chiều dài 160mm	Cái	6
183	183	Lưỡi bào dùng cho nội soi khớp	Thiết kế: Lưỡi bào rộng cho phép bào được phía trước và bên hông. Thiết kế có răng hoặc không răng - Đường kính: 2.0; 3.0; 3.5; 3.8; 4.0; 4.2; 5.0; 5.5mm - Dùng 1 lần, bào cắt lọc mô xơ, thiết kế rộng nông để hút được các mô vụn đẩy ra ngoài, giúp trường phẫu thuật trong suốt.	Cái	2
184	184	Lưỡi mài dùng cho nội soi khớp	Lưỡi mài dùng cho phẫu thuật nội soi khớp vai & gối	Cái	1
Tổng cộng I: 184 mặt hàng					
II. Danh mục trúng thầu bổ sung số lượng					

PHỤ LỤC 2

DANH MỤC, SỐ LƯỢNG HÓA CHẤT, HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM XIN MUA DÙNG TRONG BỆNH VIỆN NĂM 2023-2024

(Đính kèm Thông báo số: 1688 /TB-BVĐK ngày 30/10/2023 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi)

STT	STT từng nhóm	Tên hóa chất	Đặc điểm kỹ thuật	ĐVT	Số lượng kế hoạch
I. Danh mục không trùng thầu tập trung năm 2023					
1	1	Cồn 96°	96 độ, dạng lỏng.	Lít	3.000
2	2	Cồn tuyệt đối	Ethanol ≥ 99.5 %. Chai 1 lít	Chai	150
3	3	Muối viên tinh khiết	Dạng muối viên. Bao 25kg	Kg	900
4	4	Dengue IgG / IgM	Phát hiện phân biệt kháng thể IgG và IgM kháng các type virus Dengue 1,2,3 và 4. Không có phản ứng chéo với nhóm Flavivirus khác và những bệnh do muỗi truyền. Độ nhạy ≥ 91%, Độ đặc hiệu ≥ 90%.	Test	2.600
5	5	HBsAg	Cassette Độ nhạy: ≥ 90% Độ đặc hiệu: ≥ 90%.	Test	500
6	6	HBeAg	Cassette Độ nhạy: ≥ 90% Độ đặc hiệu: ≥ 90%.	Test	36
7	7	Test chẩn đoán viêm dạ dày dùng trong nội soi (H. Pylori test)	Test Helicobacter pylori (Nội soi dạ dày).	Test	3.700
8	8	Test thử sốt rét kháng nguyên (PF/PV)	Phát hiện phân biệt kháng nguyên P.f và P.v trong mẫu máu toàn phần. Độ nhạy ≥ 99% (P.f), ≥ 95%(P.v). Độ đặc hiệu ≥ 99%.	Test	100
9	9	Que thử đường huyết tại giường	Mẫu thử Máu mao mạch Thể tích mẫu: 0,5 µL – 2 µL Phạm vi đo: 10-600 mg / dl (0,6-33,3 mmol / l) - Thời gian thử: ≤ 15 giây	Test	6.000
10	10	Hồng cầu mẫu	Thành phần: Mỗi lọ sinh phẩm 10 ml gồm: - Hồng cầu khô : 0,5 ml - Dung dịch bảo quản và nuôi dưỡng hồng cầu: 9,5 ml. - Nồng độ: dung dịch hồng cầu 5%. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO. Quy cách đóng gói: Mỗi bộ hồng cầu gồm 3 lọ: Hồng cầu mẫu A, Hồng cầu mẫu B, Hồng cầu mẫu O, thể tích mỗi lọ là 10 ml	Bộ	6
11	11	Anti human Globulin	Dùng thực hiện xét nghiệm Antiglobulin/ Combs trực tiếp và gián tiếp. Lọ 10ml	Lọ	24
12	12	Clean Solution hoặc tương đương	Thành phần: Natri Hidroxit; trong dung dịch nước với chất hoạt động bề mặt anion, chất hoạt động bề mặt không ion và phot phát. Chai 1 x 500ml. Tương thích máy CP 2000	Chai	108
13	13	ProGRP Elecsys hoặc tương đương	Nguyên lý Miễn dịch điện hóa phát quang (ECLIA). Hộp 100 test. Tương thích máy Cobas E411	Hộp	3
14	14	BILIRUBIN (DIRECT)	Độ tuyến tính: ≥ 137 µmol/l (81.1 mg/l); Độ nhạy: ≤ 1.42 ηmol/l. Hộp: R1 2x30ml, R2a 8x4ml, R2b 1x2ml	Hộp	3
15	15	CLEAN PROTECT hoặc tương đương	Dung dịch súc rửa các mao quản trong hệ thống tự động CAPILLARYS và MINICAP. Hộp: 1 x 5 ml. Tương thích máy MINICAP	Hộp	4
16	16	Kit chạy chứng, xác nhận mức bình thường xét nghiệm Hemoglobin	Hoá chất nội kiểm xét nghiệm điện di Hemoglobin mức bình thường HbA2, có thành phần là mẫu máu đông khô. Hộp: 5 x 1.6 ml. Tương thích máy MINICAP	Hộp	2
17	17	Kit chạy chứng, xác nhận mức bất thường xét nghiệm Hemoglobin	Hoá chất nội kiểm xét nghiệm điện di Hemoglobin mức bất thường HbA2, có thành phần là mẫu máu đông khô. Hộp: 1 x 1.6 ml. Tương thích máy MINICAP	Hộp	3
18	18	Ống và nắp cho chiết tách mẫu kiểm chuẩn	Ống và nắp dùng chiết tách hóa chất kiểm chuẩn. Hộp: 20 tubes/cap. Tương thích máy MINICAP	Hộp	2
19	19	Dung dịch rửa kim	Hóa chất vệ sinh đầu dò mẫu trên thiết bị tự động điện di mao quản 2 đầu di. Hộp/1 x 25 ml. Tương thích máy MINICAP	Hộp	2
20	20	Creatinin	Dải đo: từ ≤ 5 đến ≥ 2200 umol/L; phương pháp: Jaffe Kinetic. Hộp 4 x51ml + 4 x51ml	Hộp	15

STT	STT từng nhóm	Tên hóa chất	Đặc điểm kỹ thuật	ĐVT	Số lượng kế hoạch
21	21	Que thử nước tiểu Combur-10-M hoặc tương đương	Que thử mười thông số nước tiểu để đánh giá bằng phương pháp quang phổ kế phản xạ. Giá trị kết quả Glucose: NORM, 3, 6, 17, 56 mmol/L (NORM, 50, 100, 300, 1000 mg/dL). 100 test/ hộp	Hộp	40
22	22	Microalbumin Control Level 1	Nội kiểm một số chất định lượng trong nước tiểu (thực hiện được nội kiểm Microalbumin niệu); Mức bình thường	ml	240
23	23	Microalbumin Control Level 2	Nội kiểm một số chất định lượng trong nước tiểu (thực hiện được nội kiểm Microalbumin niệu); mức bệnh lý	ml	240
24	24	Para 12 Plus High	Hóa chất nội kiểm huyết học xét nghiệm máu toàn phần mức cao. Ổn định đến ngày hết hạn khi được bảo quản ở 2 °C đến 10 °C. Tương thích máy CELL- DYN 3200, 3500/3700, Ruby, Hộp 3ml	Hộp	1
25	25	Para 12 Plus Low	Hóa chất nội kiểm huyết học xét nghiệm máu toàn phần mức thấp. Ổn định đến ngày hết hạn khi được bảo quản ở 2 °C đến 10 °C. Tương thích máy CELL- DYN 3200, 3500/3700, Ruby, Hộp 3ml	Hộp	1
26	26	Para 12 Plus Normal	Hóa chất nội kiểm huyết học xét nghiệm máu toàn phần mức bình thường. Ổn định đến ngày hết hạn khi được bảo quản ở 2 °C đến 10 °C. Tương thích máy CELL-DYN 3200, 3500/3700, Ruby, Hộp 3ml	Hộp	1
27	27	Blood Base Agar	Công dụng: Môi trường được sử dụng với việc bổ sung máu vô trùng, để phân lập, nuôi cấy và phát hiện hoạt động tan huyết của Streptococci và các vi sinh vật khó tính khác. Dạng sử dụng: dạng bột Hạn sử dụng: >= 36 tháng Độ bền sau khi mở nắp: đến khi hết hạn Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485. Lọ 500 g	Lọ	7
28	28	Brain Heart Infusion (BHI) Broth	Công dụng: Môi trường để nuôi cấy nhiều loại vi sinh vật khó tính và không khó tính, bao gồm cả vi khuẩn hiếu khí và kỵ khí từ nhiều mẫu bệnh phẩm và lâm sàng Dạng sử dụng: dạng bột Hạn sử dụng: >= 36 tháng Độ bền sau khi mở nắp: đến khi hết hạn Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485. Lọ 500 g	Lọ	2
29	29	Đĩa kháng sinh đồ các loại	Thực hiện thử nghiệm phát hiện nhạy cảm các loại kháng sinh. 5x50 đĩa /hộp	Hộp	63
30	30	HBV - DNA PCR Định lượng	Có sổ lưu hành trang thiết bị chẩn đoán in vitro của Bộ Y tế còn hiệu lực. - Bộ sinh phẩm xét nghiệm định lượng virus HBV bằng kỹ thuật Realtime PCR. - Bộ sinh phẩm gồm: Chứng âm, chứng dương, chất chuẩn, master mix, sinh phẩm tách chiết DNA (không dùng máy tách chiết), PCR tube - Tích hợp chứng nội để loại bỏ âm tính giả trong quá trình xét nghiệm. - Phù hợp cho máy Realtime PCR Stratagene MX3005P - Độ nhạy: từ 100 copies/phản ứng; Độ đặc hiệu: 100%.	Test	2.520
31	31	HCV PCR Định lượng	Có sổ lưu hành trang thiết bị chẩn đoán in vitro của Bộ Y tế còn hiệu lực. - Bộ sinh phẩm xét nghiệm định lượng virus HCV bằng kỹ thuật Realtime RT- PCR. - Bộ sinh phẩm gồm: Chứng âm, chứng dương, chất chuẩn, master mix, sinh phẩm tách chiết RNA (không dùng máy tách chiết), PCR tube, sinh phẩm tổng hợp cDNA (nếu thực hiện 2 bước) - Tích hợp chứng nội để loại bỏ âm tính giả trong quá trình xét nghiệm. - Phù hợp cho máy Realtime PCR Stratagene MX3005P - Độ nhạy: từ 100 copies/phản ứng; Độ đặc hiệu: 100%.	Test	50
32	32	Macconkey Agar	Môi trường nuôi cấy vi sinh dạng tổng hợp. Lọ 500 g	Lọ	6
33	33	Máu cừu khử sợi huyết	Sử dụng bổ sung vào môi trường thạch máu để nuôi cấy vi khuẩn khó tính và kiểm tra đặc tính tan huyết của vi khuẩn. - Vô trùng. - Không bổ sung chất chống đông. 10ml - 20ml/ đơn vị đóng gói	ml	2.000
34	34	Mueller Hilton Agar	Công dụng: Môi trường dùng trong thử nghiệm nhạy cảm kháng sinh đối với vi khuẩn thông dụng, phát triển nhanh Dạng sử dụng: dạng bột Hạn sử dụng: >=36 tháng Độ bền sau khi mở nắp: đến khi hết hạn Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485. Lọ 500 g	Lọ	4

STT	STT từng nhóm	Tên hóa chất	Đặc điểm kỹ thuật	ĐVT	Số lượng kế hoạch
35	35	PCR lao	Có số lưu hành trang thiết bị chẩn đoán in vitro của Bộ Y tế còn hiệu lực. - Bộ sinh phẩm xét nghiệm định tính vi khuẩn lao (Mycobacterium tuberculosis) bằng kỹ thuật Realtime PCR. - Bộ sinh phẩm gồm: Chứng âm, chứng dương, master mix, sinh phẩm tách chiết DNA (không dùng máy tách chiết), PCR tube - Tích hợp chứng nội để loại bỏ âm tính giả trong quá trình xét nghiệm. - Phù hợp cho máy Realtime PCR Stratagene MX3005P - Độ nhạy: từ 100 copies/phản ứng; Độ đặc hiệu: 100%.	Test	50
36	36	Simmons citrate agar	Dạng sử dụng: dạng bột Hạn sử dụng: >=36 tháng Độ bền sau khi mở nắp: đến khi hết hạn Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485. Lọ 500 g	Lọ	1
37	37	Anti DNA	- Độ nhạy: ≥ 90% - Độ đặc hiệu: ≥90%	Test	50
38	38	Bộ nhuộm BK đậm	Bộ thuốc nhuộm Zielh neelsen	Bộ	5
39	39	Bộ thuần nhất và xử lý mẫu	Dùng để thực hiện kỹ thuật thuần nhất và loại trừ tạp nhiễm các mẫu thử có chứa đàm,	Test	100
40	40	Bộ thuốc nhuộm Gram	Thực hiện xét nghiệm soi nhuộm Gram. Bao gồm 04 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là CrystalViolet, Lugol, Alcohol và Safranin	Bộ	3
41	41	Kligler iron mil (KIA)- Kligler iron Agar	Dạng sử dụng: dạng bột Hạn sử dụng: >=36 tháng Độ bền sau khi mở nắp: đến khi hết hạn Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485. Lọ 500 g	Lọ	1
42	42	Môi trường Manitol Salt agar	Dạng sử dụng: dạng bột Hạn sử dụng: >=36 tháng Độ bền sau khi mở nắp: đến khi hết hạn Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485. Lọ 500 g	Hộp	1
43	43	Sabouraud Malt Agar	Dạng sử dụng: dạng bột Hạn sử dụng: >=36 tháng Độ bền sau khi mở nắp: đến khi hết hạn Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485. Lọ 500 g	Hộp	2
44	44	Salmonella Shigella gel (S.S agar)	Dạng sử dụng: dạng bột Hạn sử dụng: >=36 tháng Độ bền sau khi mở nắp: đến khi hết hạn Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485. Lọ 500 g	Lọ	1
45	45	Bộ sinh phẩm xét nghiệm Realtime RT-PCR phát hiện SARS-CoV-2-	Phát hiện gen E bằng phương pháp Real-time RT-PCR trên các mẫu bệnh phẩm đường hô hấp. - Tích hợp chứng nội trong bộ kit để loại bỏ âm tính giả do quá trình lấy mẫu, xử lý mẫu. - Giới hạn phát hiện: từ 5 bản sao/phản ứng; - Độ đặc hiệu: 100%. Tương thích máy Realtime PCR Stratagene Mx3005P	Test	1.000
46	46	SuperScript™ III Platinum™ One-Step qRT-PCR Kit hoặc tương đương	Sử dụng cho phản ứng RT Realtime PCR 1 bước, bao gồm: 2x Reaction Mix (0,4mM mỗi dNTP và 6nM MgSO4) ≥12,5mL, MgSO4 nồng độ 50mM ≥2x1ml, ROXTM ReferenceDye nồng độ 25μM ≥500μL.	Test	96
47	47	SuperScript III RT/Platinum Taq Mix hoặc tương đương	Enzyme phiên mã ngược: SuperScript III/Platinum Taq Mix Thành phần: hỗn hợp enzyme 1 bước, đệm phản ứng 2X, Nước không chứa RNase, Magie Sulfat (50 mM), đại tham chiếu ROX (25μM). 100 test/bộ	Test	96
48	48	Bộ hỗn hợp Môi, probe gene E	Bộ hỗn hợp Môi, probe gene E phát hiện virus Sars-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR . 96 test/bộ. Tương thích máy Realtime PCR Stratagene Mx3005P	Test	96
49	49	Chủng Staphylococcus aureus	Phân tích Staphylococcus aureus. 1 ống/gói	Gói	2
50	50	Chủng Escherichia coli	Phân tích Escherichia coli. 1 ống/gói	Gói	2
51	51	Kit tách chiết nucleic acid virus	Dùng cho xét nghiệm PCR Covid	Test	1.100
52	52	Cồn tuyệt đối dùng trong sinh học phân tử	Công thức hóa học: C ₂ H ₅ OH; Khối lượng phân tử: 46,07g/mol; Tinh khiết: 99,9%; - Dùng cho sinh học phân tử.	ml	2.000

STT	STT từng nhóm	Tên hóa chất	Đặc điểm kỹ thuật	ĐVT	Số lượng kế hoạch
53	53	Ortho-phthalaldehyde	Công thức là $C_6H_4(CHO)_2$ hay 1,2-benzenedicarboxaldehyde. Dung dịch 0.55% OPA màu xanh dương, trong suốt, pH 7.5; Can từ 3lít đến 5 lít	Lít	305
54	54	Cocopropylene Diamine hoặc tương đương	Dung dịch khử khuẩn mức độ trung bình cho dụng cụ y tế chứa 20% kl/kl Cocopropylene Diamine. Can 5 lít	Can	4
55	55	Glycerin 500 ml	Hoá chất Glycerin. Lọ 500 ml	Lọ	26
56	56	Reaction Vessel	Cồng phản ứng được dùng cho phân tích mẫu, sử dụng trong hệ thống máy xét nghiệm ARCHITECT. Thùng 8 túi x 500 cái. Tương thích máy ARCHITECT I2000SR	Hộp	23
57	57	Hóa chất sát khuẩn Anios hoặc tương đương	Chất hoạt động bề mặt không ion, hoạt chất bôi trơn, chất bảo quản, không chứa silicone. Chai 1 lít	Chai	15
58	58	Acid Citric	Dạng rắn	Kg	1.200
59	59	Dầu Parafin	chất lỏng có độ trơn, trong suốt, chai 500ml	Chai	21
60	60	Dịch ngâm rửa màng lọc thận nhân tạo	Acetic acid 7,83%, Hydrogen peroxid 26,53%, Peracetic acid 5,00% . Can 5 lít	Can	120
61	61	Formaldehyde	Dịch Formaldehyde, chai 1 lít	Chai	96
62	62	Keo dán lam	Tạo độ trong và giữ độ bền cho màu nhuộm, chai 118ml	Chai	1
63	63	Nước rửa phim auto Fixer+AutoDvelope	Bộ thuốc bao gồm: thuốc hiện hình và hãm hình	Bộ	2
64	64	Than hoạt tính	Bột than hoạt tính	Kg	2
65	65	Vôi soda	Vôi soda dùng trong y tế, chai 500gram	Chai	160
66	66	Dầu soi kính	Dầu trong suốt có chiết suất cao, làm giảm đáng kể sự tán xạ ánh sáng do đó làm tăng độ phân giải của hình ảnh	Lọ	1
67	67	Dung dịch Giêm sa	Dung dịch màu nâu, mùi hắc, dễ bay hơi, lọ 500ml	Lọ	2
68	68	Eosin 1%	Eosin 1% , Eosina 1%, Chai 500ml	Chai	2
69	69	Hematoxylin	Dạng dung dịch, sử dụng nhuộm tiêu , chai 500ml	Chai	2
70	70	Parafin hạt	Dạng hạt; màu trắng; tinh khiết; nhiệt độ nóng chảy trong khoảng từ 55 độ C đến 60 độ C; sử dụng để đúc bệnh phẩm	Kg	10
71	71	Toluen	Thành phần: toluen; sử dụng trong y tế, chai 500ml	Chai	156
72	72	Que thử độ cứng trong nước chảy thận nhân tạo	Dùng để kiểm tra độ cứng của nước Có thể kiểm tra nước với các nồng độ: 0, 10, 25, 50 và 120ppm Không sử dụng để kiểm tra nước có độ cứng > 120 ppm. Thời gian kiểm tra và đọc kết quả ≤ 10 giây	Test	100
73	73	Que thử hàm lượng Clo trong nước chảy thận nhân tạo	Để đo mức độ clo thấp (chloramines/clo tự do) trong nước cấp dùng để chạy thận và cũng cho biết nồng độ Clo (chất tẩy Clo) tồn dư trong dung dịch đã sử dụng để súc rửa đường ống sau khi khử trùng thiết bị thẩm tách máu. Có thể kiểm tra nước với các nồng độ: 0, 0.1, 0.5 và 3ppm Thời gian kiểm tra và đọc kết quả ≤ 35 giây	Test	100
74	74	Que thử hiệu năng Peracetic Acid trong nước chảy thận nhân tạo	Dùng để thử “hiệu lực”; “hiệu năng” hoặc nồng độ của axit peracetic trong chất khử khuẩn cơ bản có chứa axit peracetic/hydrogen peroxide được dùng để khử khuẩn quả lọc Có thể kiểm tra nồng độ Peracetic Acide từ: 400, 600 và 800 ppm Thời gian kiểm tra và đọc kết quả ≤ 12 giây	Test	100
75	75	Que thử tồn dư Clo trong nước chảy thận nhân tạo	Dùng để phát hiện thuốc tẩy clo tồn dư (natri hypochlorite) trong dung dịch đã được sử dụng để rửa các ống thẩm tách Có thể kiểm tra nước với các nồng độ: 0, 0.5, 1, 2 và 5 ppm Không dùng Que thử tồn dư Clo để xác định nồng độ Clo lớn hơn 5 ppm Thời gian kiểm tra và đọc kết quả ≤ 35 giây	Test	100

STT	STT từng nhóm	Tên hóa chất	Đặc điểm kỹ thuật	ĐVT	Số lượng kế hoạch
76	76	Que thử tồn dư Formaldehyde trong chạy thận nhân tạo	Dùng để kiểm tra nồng độ formaldehyde còn lại sau khi khử trùng và tráng rửa quả lọc, máy lọc máu, hệ thống nước hoặc thiết bị thẩm thấu ngược (RO). Có thể kiểm tra nồng độ Formaldehyde từ: 0, Trace (dạng vết), 2.5 và 5 ppm Thời gian kiểm tra và đọc kết quả ≤ 3 phút	Test	100
77	77	Que thử tồn dư Peroxide trong chạy thận nhân tạo	Dùng để kiểm tra nồng độ của chất khử khuẩn acid peracetic/ peroxide đã được giảm xuống mức an toàn sau khi rửa quả lọc, máy chạy thận nhân tạo hoặc hệ thống xử lý nước Có thể kiểm tra nồng độ Hydrogen Peroxide từ: 0, 1, 3, 5 và 10 ppm Thời gian kiểm tra và đọc kết quả ≤ 20 giây Không dùng Que thử để kiểm tra nồng độ Hydrogen Peroxide lớn hơn 20 ppm	Test	100
78	78	Test hóa học kiểm soát tiệt trùng EO 1251 hoặc tương đương	Thiết kế dạng que giấy dài có vạch mực chỉ thị hóa học. Vạch mực chỉ thị sẽ chuyển màu đỏ sang màu xanh lá sau khi qua quá trình tiệt khuẩn nhiệt độ thấp với khí Ethylen Oxide.	Que	720
79	79	Test kiểm soát thiết bị Bowie-Dick hoặc tương đương	Gói thử test Bowie-Dick kèm cảnh báo sớm. Gói thử đóng sẵn bao gồm tấm Bowie - Dick không chứa Chi để test chất lượng lò hút chân không ngoài ra còn giúp cảnh báo sớm về chất lượng hút chân không của lò hấp để kiểm tra, bảo duỡng, sửa chữa kịp thời khi chưa có sự cố về chất lượng hút chân không của lò xảy ra.	Miếng	120
Tổng cộng I: 79 mặt hàng					
II. Danh mục bổ sung mới					
80	1	TPHA	- Là xét nghiệm ngưng kết hạt thụ động in vitro phát hiện kháng thể kháng Treponema pallidum trong mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người. - Độ nhạy: > 99% - Độ đặc hiệu: > 99%	Test	700
81	2	Ông môi trường giữ chủng Cryobank hoặc tương đương	- Ông lưu giữ chủng vi khuẩn, chứa các hạt lưu trữ và có môi trường pha sẵn.	Ông	80
82	3	Glycerol	Glycerol ≥ 98%	ml	100
83	4	Chai cấy máu 2 pha	Chai có vách ngăn thành hai pha: pha đặc và pha lỏng; sử dụng nuôi cấy vi khuẩn trong bệnh phẩm máu. - Thể tích môi trường: 50 ml/chai	Chai	800
84	5	Dung môi pha huyền dịch vi khuẩn	Dung môi pha huyền dịch vi khuẩn. - Thành phần: 0,45 % Sodium Chloride. - Tương thích máy Vitek2.	Lít	8
85	6	Thẻ kháng sinh đồ vi khuẩn liên cầu khuẩn (AST ST03 hoặc tương đương)	- Thẻ kháng sinh đồ sử dụng cho liên cầu khuẩn. - Tương thích máy Vitek2.	Thẻ	80
86	7	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Vancomycin	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Vancomycin; Hộp 6 Chai x 4 mL. Các chất chuẩn có nồng độ: 0 - 69 µmol/L; sử dụng phù hợp máy Architect I 1000	Hộp	2
87	8	Định lượng Vancomycin	Hoá chất xét nghiệm miễn dịch in vitro vi hạt hóa phát quang (CMIA) để định lượng vancomycin trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Hộp: 1 chai x 6,6 mL + 1 chai x 5,9 mL tương ứng hộp 100 test. Phù hợp máy Architect I 1000	Hộp	2
Tổng cộng: 08 mặt hàng					
Tổng cộng I + II: 87 mặt hàng					